- Tiếp tục đào tạo có chọn lọc các sinh viên đại học có ngành nghề phù hợp với quốc phòng thành sĩ quan dự bị của các ngành kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, để khi cần thì động viên phục vụ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo có nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo và quản lý công tác giáo dục quốc phòng và đào tạo sĩ quan dự bị trong hệ thống giáo dục quốc dân. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện. Hai Bộ cần củng cố tổ chức hiện có để quản lý, chỉ đạo điều hành công tác này.

2. Trên tinh thần tích cực đổi mới, Bộ giáo dục và đào tạo và Bộ Quốc phòng cần sớm tổng kết; cải tiến lớn về chương trình, nội dung phương pháp giáo dục quốc phòng và đào tạo sĩ quan dự bị nhằm nâng cao chất lượng và khắc phục tình trạng hình thức, kém hiệu quả.

Cần chú ý nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên quân sự; xây dựng hệ thống tài liệu, giáo trình; bảo đảm cơ sở vật chất, trang bị huấn luyện, học cụ quân sự chuyên dùng và các mặt bảo đảm khác; áp dụng phương thức lồng ghép một số nội dung quân sự vào những môn học phù hợp của các trường; tổ chức cho học viên được học tập tại các trung tâm huấn luyện quân sự hoặc đơn vị, nhà trường quân đội để nâng cao năng lực thực hành.

3. Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Tổ chức và cán bộ của Chính phủ cùng với Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Quốc phòng bàn bạc thống nhất để ban hành các chế độ, chính sách cần thiết, bảo đảm cho công tác này được thực hiện tốt. Kinh phí giáo dục quốc phòng được tính vào ngân sách của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kinh phí đào tạo sĩ quan dự bị được tính vào ngân sách của Bộ Quốc phòng. Những nội dung cụ thể khác, các Bộ có liên quan ra thông tư hướng dẫn thực hiện.

4. Bộ trưởng các bộ Giáo dục và Đào tạo, Quốc phòng, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban tổ chức và cán bộ của Chính phủ, Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Thủ trưởng các ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp có trách nhiệm thi hành chỉ thị này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 8 - CT ngày 13 - 1 - 1992 về việc thành lập và phê duyệt luận chứng kinh tế - kỹ thuật Vườn Quốc gia Cát Tiên.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Xét tờ trình số 1457 - UBT ngày 20 tháng 11 năm 1991 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai và tờ trình số 234 - LN/KL ngày 9 tháng 2 năm 1991 của Bộ Lâm nghiệp về việc xin thành lập và phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật Vườn Quốc gia Cát Tiên;

Căn cứ đề nghị của ủy ban Kế hoạch Nhà nước (văn bản số 1395 - UB/XD - NL ngày 17 tháng 12 năm 1991) về việc phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật này,

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. - Thành lập Vườn Quốc gia Cát Tiên trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Vườn Quốc gia Cát Tiên bao gồm phần Nam Bãi Cát Tiên thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai trên cơ sở "rừng cấm Nam Bãi Cát Tiên" theo quyết định số 360 - TTg ngày 7 tháng 7 năm 1978 của Thủ tướng Chính phủ và phần mở rộng thuộc địa phận của tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Sông Bé.

Điều2.- Phê duyệt Luận chứng kinh tế - kỹ thuật Vườn Quốc gia Cát Tiên (phần Nam Bãi Cát Tiên thuộc tỉnh Đồng Nai) với những nội dung và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Vườn Quốc gia Cát Tiên.

- Chủ quản đầu tư: Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.
- Chủ đầu tư: Giám đốc Vườn Quốc gia Cát Tiên.

2. Địa điểm và phạm vi quản lý:

Chấp nhận ranh giới và phạm vi quản lý (phần Nam Bãi Cát Tiên thuộc tỉnh Đồng Nai) như đề nghị trong luận chứng kinh tế kỹ thuật:

- Ranh giới:

+ Phía Bắc giáp tỉnh Sông Bé.

+ Phía Đông giáp sông Đồng Nai từ cửa Đắk Loa đến ấp Tà Lài.

+ Phía Nam giáp đường 323 liên hiệp khoa học sản xuất La Ngà.

+ Phía Tây giáp lâm trường Vĩnh An từ ngã ba suối Xa Mát gặp đường 323 lên các đỉnh cao 243 - 300 - 354 - 359 - 360 gặp ranh giới tỉnh Sông Bé ở đỉnh cao 351.

- Tọa độ địa lý:

từ 11°20'50" đến 11°32'13" vĩ độ Bắc

107°11'11" đến 107°28'20" kinh độ Đông.

3. Nhiệm vụ:

- Bảo tồn hệ sinh thái đặc trưng cho vùng Đông Nam Bộ, bảo tồn nguồn gen động vật, thực vật rừng đa dạng, phong phú và quý, hiếm của khu hệ động, thực vật rừng nam Việt Nam (voi, bò rừng, cá sấu, công, trĩ... cẩm lai, gọ đỏ, dáng hương, cẩm xe).
- Phòng hộ đầu nguồn phục vụ công trình thủy điện Trị An.
- Tổ chức các dịch vụ nghiên cứu và thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học về bảo tồn thiên nhiên, về diễn thế rừng, về môi trường, phục vụ các mục tiêu phát triển lâm nghiệp.
- Thực hiện các chương trình tuyên truyền giáo dục và các dịch vụ phục vụ tham quan, du lịch.
- Quy hoạch và tổ chức lại các điểm dân cư phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ quản lý, xây dựng vườn, ổn định đời sống, chấm dứt mọi hành vi làm hủy hoại tài nguyên rừng trong vườn Quốc gia.

4. Phân khu chức năng:

a) Khu bảo tồn nguyên vẹn: có chức năng chủ yếu là bảo vệ nguyên vẹn quần hệ rừng mưa nhiệt đới phân mùa; bảo vệ các khu cư trú và sinh hoạt của động vật rừng; bảo vệ cảnh quan tự nhiên của rừng.

Diện tích: 35.302 ha (Gồm các tiểu khu I, II, III, IV).

b) Khu phục hồi sinh thái: có chức năng chủ yếu là bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái, các động, thực vật rừng quý, hiếm bằng các biện pháp phục hồi tự nhiên là chủ yếu.

Diện tích: 2.250 ha thuộc vùng đồi bát úp và đất bằng tiếp giáp vùng sản xuất nông nghiệp của xã Dak Lua.

c) Khu quản lý hành chính: có chức năng chủ yếu là xây dựng các công trình khoa học, các cơ sở phục vụ quản lý, sinh hoạt của vườn... diện tích: 348ha.

5. Các chương trình hoạt động.

Giám đốc Vườn Quốc gia Cát Tiên có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình sau đây:

- Chương trình bảo vệ vườn.
- Chương trình phục vụ nghiên cứu và nghiên cứu khoa học.
- Chương trình tuyên truyền giáo dục và phục vụ tham quan du lịch.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

6. Đầu tư cơ bản:

a) Các hạng mục đầu tư:

Phục vụ chương trình bảo vệ:

- Xây dựng hệ thống cột mốc, bảng, biểu chỉ dẫn.
- Xây dựng, sửa chữa hệ thống đường ranh giới vườn, các khu chức năng và đường tuần tra (đường cho người, xe thô sơ và ngựa đi).
- Hệ thống trạm bảo vệ (gồm 12 trạm và các chòi canh).
- Hệ thống thông tin liên lạc (điện thoại, bộ đàm...).
- Chuyển dân ở khu vực sau trạm Đắk Lua ra ngoài vườn (khoảng 40 hộ).

Phục vụ chương trình nghiên cứu khoa học.

- Các điểm định vị và chòi quan sát.
- Vườn thực vật: 10ha.
- Khu vực nghiên cứu thực nghiệm nuôi chim thú bán tự nhiên (chuồng trại 500m^2).
- Trạm khí tượng.
- Phòng lưu trữ, thư viện, phòng thí nghiệm: 250m^2.
- Lập hồ sơ cơ bản của vườn.
- Các trang bị phục vụ nghiên cứu.

Phục vụ chương trình tuyên truyền giáo dục, tham quan du lịch:

- Các trang bị phục vụ tuyên truyền giáo dục.
- Xây dựng các điểm tham quan.

Các công trình phục vụ:

- Nhà làm việc: 400m^2.
- Các công trình kiến trúc phục vụ 200m^2.
- Nhà ở: căn cứ vào biên chế được duyệt và chế độ nhà nước để xây dựng.

b) Vốn đầu tư:

Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các yêu cầu xây dựng phục vụ các chương trình bảo vệ, nghiên cứu khoa học và quản lý vườn là:

3.400.000.000 đồng

Trong đó:

- Xây lắp: 2.500.000.000 đồng.
- Thiết bị: 650.000.000 đồng.
- Kiến thiết cơ bản khác: 250.000.000 đồng.

Ngoài ra, huy động các nguồn vốn khác để thực hiện các chương trình còn lại và hoàn chỉnh vườn.

c) Công trình được xây dựng và hoàn thành trong thời hạn 10 năm (1991 - 2000).

7. Phân giao trách nhiệm:

a) Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai là chủ quản đầu tư chịu trách nhiệm:

+ Chỉ đạo chủ đầu tư: tổ chức thiết kế, thi công công trình phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, tiết kiệm vốn, bảo toàn và phát triển tài nguyên rừng trong vườn.

+ Lập đề án tổ chức lại dân cư và thực hiện việc di chuyển số dân cần ra ngoài vườn, bảo đảm các nhiệm vụ hoạt động của Vườn Quốc gia.

+ Xác định rõ phạm vi ranh giới vùng đệm để có kế hoạch triển khai xây dựng vùng đệm.

b) Bộ Lâm nghiệp chịu trách nhiệm:

+ Chỉ đạo nghiệp vụ xây dựng và quản lý đối với Vườn Quốc gia.

+ Cùng với Ủy ban Nhân dân các tỉnh Đồng nai, Lâm Đồng, Sông Bé qui hoạch và thống nhất kiến nghị việc mở rộng Vườn Quốc gia này đến qui mô thích hợp và xác định rõ phạm vi vùng đệm theo qui mô mới; chỉ đạo việc lập luận chứng kinh tế kỹ thuật bổ sung mở rộng Vườn Quốc gia trình Hội đồng Bộ trưởng xét phê duyệt vào quí II năm 1992.

Điều 3. - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, Bộ trưởng các Bộ Lâm nghiệp, Tài chính, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Khoa học Nhà nước, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

và Thủ trưởng các ngành và địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 10 - CT ngày 14 - 1 - 1992 về việc giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Viện Khoa học kỹ thuật Bưu điện.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Quyết định số 224 - TTg ngày 24 tháng 5 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc đào tạo trên đại học ở trong nước;

Xét đề nghị của Bộ Giao thông vận tải và Bưu điện (công văn số 48 - TCCB - LD ngày 20 tháng 12 năm 1991), Bộ Giáo dục và Đào tạo (công văn số 7864 - SDH ngày 21 tháng 12 năm 1991) và Ủy ban Khoa học Nhà nước (công văn số 1489 - TCCB ngày 19 - 12 - 1991),

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. - Giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Viện Khoa học kỹ thuật bưu điện thuộc Bộ Giao thông vận tải và bưu điện.

Điều 2. - Bộ Giáo dục và đào tạo cùng với Ủy ban Khoa học Nhà nước qui định các chuyên ngành đào tạo tại Viện Khoa học kỹ thuật Bưu điện.

Điều 3. - Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bưu điện, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

NGUYỄN KHÁNH

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 14 - CT ngày 15-1-1992 về việc giao cho Bộ Lâm nghiệp thống nhất quản lý Nhà nước về công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản khác.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Nhằm thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng; đồng thời nhằm phát triển công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản khác theo hướng mọi sản phẩm từ rừng đều phải qua chế biến, đa dạng hóa sản phẩm và sản phẩm có chất lượng cao;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp (tờ trình số 1877/LSCN ngày 21-9-1991),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Giao cho Bộ Lâm nghiệp thống nhất quản lý Nhà nước về công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản khác.

Điều 2. - Phạm vi, đối tượng quản lý quy định như sau:

1. Về công nghiệp chế biến gỗ, bao gồm:

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0965236